

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình
Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thanh Hảo - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nhưng không có địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Lê Đức T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn ngày 05/12/2016 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Vợ chồng chung sống đến năm 2018, trong quá trình chung sống thì luôn mâu thuẫn, cãi nhau. Cuối năm 2018 chị T đi lao động tại Đài Loan đến nay. Thời gian này anh chị cũng không liên lạc với nhau. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng hòa thuận với nhau nhưng nhiều lần cãi vã xảy ra nên anh chị quyết định ly hôn.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị T.

- Về con chung: Anh T và chị T không có con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

** Bị đơn là chị Lê Thị T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể.* Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị Lê Thị T, nhưng đến nay không nhận được bất cứ văn bản nào của chị T.

Ngày 06/4/2012 và ngày 05/5/2021, Tòa án tiến hành xác minh thông tin qua mẹ đẻ của chị T là bà Phạm Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T (nay là thôn Thượng Đ) xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang, bà L có quan điểm trình bày như sau: Bà là mẹ đẻ của chị Lê Thị T có địa chỉ như trên, hiện nay chị T đang đi lao động tại Đài Loan nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của chị T ở nước ngoài thì bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình bà thông báo để chị T gửi quan điểm về thì gia đình không thực hiện được. Về việc anh T xin ly hôn thì chị T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Đắc T xin vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Lê Đắc T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị Lê Thị T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị T. Căn cứ vào quy định của pháp

luật xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho anh Lê Đắc T được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh Lê Đắc T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Đắc T khởi kiện xin ly hôn đối với chị Lê Thị T. Bị đơn chị Lê Thị T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú, lao động ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số 6434/QLXNC-P5 ngày 19/3/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Lê Thị T đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 11/3/2018, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; về thẩm quyền: do có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Lê Đắc T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Lê Thị T vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp chị Lê Thị T cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị T theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Đắc T, chị Lê Thị T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Theo như anh Lê Đắc T trình bày: Anh và chị Lê

Thị T đăng ký kết hôn ngày 05/12/2016 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Vợ chồng chung sống đến năm 2018, trong quá trình chung sống thì luôn mâu thuẫn, cãi nhau. Cuối năm 2018 chị T đi lao động tại Đài Loan đến nay. Thời gian này anh chị cũng không có liên lạc với nhau. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng hòa thuận với nhau nhưng nhiều lần cãi vã xảy ra nên anh khởi kiện xin ly hôn chị Lê Thị T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Đắc T, Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Lê Đắc T và chị Lê Thị T là hợp pháp. Hiện nay anh Lê Đắc T và chị Lê Thị T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Lê Đắc T và chị Lê Thị T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Đắc T và chị Lê Thị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Lê Đắc T được ly hôn chị Lê Thị T.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Lê Đắc T và chị Lê Thị T không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Lê Đắc T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lê Đắc T được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về án phí: Anh Lê Đắc T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000921 ngày 01/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lê Đắc T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Đắc T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị T hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã T, huyện L;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình Lê Thị Minh Khánh

Hoàng Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Thái Đào, huyện Lạng Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thu Hiền

